

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: bà **Hà Thị Thu Hiếu**.

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.**

Địa chỉ: 130 Phan Đ, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Hải Châu – Chi nhánh Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 1/QĐ-ĐAB.ĐNg ngày 11.12.2019 của ông Trần Trọng V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đà Nẵng). (Có mặt).

Địa chỉ chi nhánh Đà Nẵng: 167 Nguyễn V, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị N** – sinh năm: 1982. Hộ khẩu thường trú: K1./4 Triệu N, phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 20/01/2017, bà Lê Thị N có ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (Hợp đồng) với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng), với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đã được bà N ký nhận nợ đợt vay số 0130219301T17082 ngày 12/02/2017. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 19/6/2017, bà N đã trả được tổng số tiền 5.462.971đ (gốc: 4.658.847đ, lãi: 804.123đ). Tính đến ngày 10/12/2019, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 21.551.748đ (trong đó: gốc: 15.341.153đ, lãi trong hạn: 1.195.877đ, lãi quá hạn: 5.014.718đ).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ, bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N thanh toán toàn bộ số nợ trên, lãi phát sinh được tiếp tục tính cho đến khi bà N trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà N toán số tiền nợ gốc: 15.341.153đ, Lãi suất: lãi trong hạn (tính từ ngày 20/6/2017 đến ngày 10/02/2018): 1.195.877đ, lãi quá hạn (tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày 12/6/2020): 6.178.089đ, tổng cộng: 22.715.119đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn một trăm mười chín đồng), lãi phát sinh được tiếp tục tính cho đến khi bà N trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Lê Thị N đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà N đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Biên bản xác minh tại Công an phường Hải Châu II, quận Hải Châu, quận hải Châu, thành phố Đà Nẵng: bị đơn là bà Lê Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ K1./4 Triệu N, phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hiện nay bà N bán nhà đi đâu địa phương không rõ. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân

sự, nhưng bà N vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Lê Thị N.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 20/01/2017, bà Lê Thị N đã ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn là 15%/năm. Sau khi được cấp hạn mức vay trả góp, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Đến ngày 12/6/2020, bà N đã thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng được 5.462.970 đồng. Từ ngày 20/6/2017 đến nay bà N không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị N phải thanh toán số tiền nợ gốc 15.341.153đồng (Mười lăm triệu ba trăm bốn một ngàn một trăm năm ba đồng), Lãi suất: lãi trong hạn (tính từ ngày 20/6/2017 đến ngày 10/02/2018): 1.195.877đ, lãi quá hạn (tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày 12/6/2020): 6.178.089đ, tổng cộng: 22.715.119đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn một trăm mười chín đồng), lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 13/6/2020 cho đến khi bà N trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà N vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện bà N có ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/01/2017 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Đ. Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 15.341.153đ; Lãi suất tính đến ngày 12/6/2020: lãi trong hạn: 1.195.877đồng, lãi quá hạn: 6.178.089đồng, tổng cộng: 22.715.119đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Kể từ tháng 7/2017 cho đến nay bà N không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều III Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ mà bà N đã ký kết với Ngân hàng ngày 20/01/2017. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.341.153đồng (Mười lăm triệu ba trăm bốn một ngàn một trăm năm ba đồng), Lãi suất: lãi trong hạn: 1.195.877đồng (Một triệu một trăm chín lăm ngàn tám trăm bảy bảy đồng), lãi quá hạn: 6.178.089đồng (Sáu triệu một trăm bảy tám ngàn không trăm tám chín ngàn), tổng cộng: 22.715.119đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn một trăm mười chín đồng).

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 13/6/2020 đến khi bà N thanh toán dứt điểm số nợ vay theo như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị N phải chịu theo qui định của pháp luật là: $22.715.119đ \times 5\% = 1.135.755$ đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa; Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Lê Thị N.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc: 15.341.153đồng (*Mười lăm triệu ba trăm bốn một ngàn một trăm năm ba đồng*). Trong đó: lãi trong hạn (tính từ ngày 20/6/2017 đến ngày 10/02/2018): 1.195.877đ (*Một triệu một trăm chín lăm ngàn tám trăm bảy bảy đồng*), lãi quá hạn (tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày 12/6/2020): 6.178.089đ (*Sáu triệu một trăm bảy tám ngàn không trăm tám chín ngàn*), tổng cộng: 22.715.119đồng (*Hai mươi hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn một trăm mười chín đồng*). Lãi được tiếp tục tính từ ngày 13/6/2020 đến khi bà Lê Thị N thanh toán dứt điểm số nợ vay theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 10/02/2017.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị N phải chịu là: 1.135.755 đồng (*Một triệu một trăm ba lăm ngàn bảy trăm năm lăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 538.000đồng (*Năm trăm ba tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 8779 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh